

KHÁI NIỆM GIÁ TRỊ

M. ROBIN - JR. WILLIAMS

Thuật ngữ "giá trị" (values) có thể quy chiếu vào những mối quan tâm (interests), những thích thú (pleasures), những cái ưa thích (likes), những sở thích (preferences), những bổn phận (duties), những trách nhiệm tinh thần (moral obligations), những ước muốn (desires), những đòi hỏi (wants), những nhu cầu (needs), những ác cảm (aversions), những lôi cuốn (attractions) và nhiều hình thái khác nữa của định hướng lựa chọn (Pepper, 1958, tr.7). Nói cách khác, giá trị có mặt trong thế giới rộng lớn và đa dạng của hành vi lựa chọn. Hoàn toàn có thể cho rằng hành vi theo phản xạ không biểu hiện các giá trị hay sự đánh giá: từ cái nháy mắt bất thần tới phản xạ bánh chè hay: bất cứ quá trình sinh hóa nào trong cơ thể con người, đều không tạo ra hành vi giá trị. Tuy nhiên, bất kỳ định nghĩa mô tả nào cũng khó có thể xác định đầy đủ phạm vi và tính đa dạng của những hiện tượng giá trị được thừa nhận.

Những giới hạn của giá trị có thể được tiếp nhận thật rộng rãi hay khá chật hẹp, nhưng các giới hạn thì không bao giờ nên sắp đặt một cách tùy tiện, và sự định vị của chúng phải được biện giải trong bất cứ trường hợp đặc thù nào. Một khái niệm giá trị với nội hàm rộng có thuận lợi là hướng sự chú ý vào những yếu tố giá trị có thể có trong mọi hành vi, tránh những yếu tố tự động hay bản năng nghiêm trọng nhất. Một định nghĩa hẹp có ưu điểm là giản đơn và xác định, nhưng có thể dẫn đến sai lầm nếu những hiện tượng bị gạt bỏ không được xem xét thông qua những khái niệm có liên hệ chặt chẽ với ý niệm "giá trị".

Một trong những định nghĩa được chấp nhận rộng rãi hơn trong các tài liệu khoa học xã hội là coi giá trị như những quan niệm về cái đáng mong muốn (desirable) ảnh hưởng tới hành vi lựa chọn. Trong định nghĩa hẹp này có sự phân biệt giữa cái được mong muốn (What is desired) và cái đáng mong muốn, chúng được xem như ngang hàng với cái mà chúng ta phải mong muốn. Đây là một cách nhìn giá trị đã được xã hội hóa cao, nó loại trừ, chẳng hạn, những giá trị thuần túy mang tính hưởng lạc.

Trong cách nhìn rộng hơn, thì bất cứ cái gì tốt hay xấu đều là giá trị (Pepper, tr. 7) hay giá trị là điều quan tâm của một chủ thể là con người (Perry, 1954). Con người không lãnh đạm với thế giới, họ không dừng lại ở một cái nhìn hoàn toàn có căn cứ thực tế đối với kinh nghiệm của họ (Kohler, 1938). Dù công khai hay ngầm ngầm, họ luôn xem mọi vật như những cái tốt hay xấu, thật hay giả, đức hạnh hay thói hư tật xấu. Bắt đầu từ một cách nhìn toàn diện đối với toàn bộ Hữu vực đánh giá dường như hết sức có ích, vì những mục đích đặc thù có thể phát triển những quan niệm riêng biệt hơn.

Theo cách ấy, chúng ta nhìn trước hết vào những nét chung của mọi hiện tượng giá trị.

Dường như mọi giá trị đều chứa đựng một số yếu tố nhận thức (mặc dù một số định nghĩa không hàm chứa điều này), chúng có tính chất lựa chọn hay hướng dẫn và chúng bao gồm một số yếu tố tình cảm. Các giá trị được sử dụng như là những tiêu chuẩn cho sự lựa chọn khi hành động. Khi đã được nhận thức một cách công khai và đầy đủ nhất, các giá trị trở thành những tiêu chuẩn cho sự phán xét, sự ưa thích và sự lựa chọn. Trong trường hợp khi còn dưới dạng tiềm ẩn hay chưa được nhận thức, dù sao các giá trị cũng vẫn thực hiện như thể chúng đã cấu thành cơ sở cho những quyết định trong hành vi. Trong hàng loạt những khả năng, người ta thường thích cái gì đó hơn là những cái khác, họ thường lựa chọn một hướng hành động này hơn là hướng hành động khác, họ thường xét đoán hành vi của những người khác.

Hiển nhiên là các hành động có tính mục đích thường rơi vào trong những ranh giới của hành động đánh giá. Trong hành động có tính mục đích, chúng ta có thể thấy ba loại giá trị chính: giá trị nhận thức (ước vọng, thích thú), giá trị thành đạt (thành công trái ngược với thất bại), và giá trị tình cảm (niềm vui trái ngược với đau khổ và sự chán chường). Trong bất cứ hành động mục đích nào, các giá trị đó đều có thể được tiếp nối hay có mặt suốt quá trình hành động (Pepper, 1958, tr. 304-305).

Trong văn bản thông thường, thuật ngữ "giá trị" được sử dụng theo hai nghĩa có thể thay thế cho nhau mà ở đây chúng phải được tách riêng ra. Theo một nghĩa chúng ta quy chiếu vào *sự đánh giá riêng biệt* về bất kỳ đối

tượng nào, như ở "các nước công nghiệp hóa đề cao nền giáo dục chính quy" hay sự điều hành của chính phủ là "vô giá trị". Ở đây, người ta cho chúng ta biết rằng một đối tượng được đánh giá, hay nói khác đi là được định giá như thế nào, chứ không phải là những chuẩn mực nào đã được sử dụng để đánh giá. Ý nghĩa thứ hai của giá trị quy chiếu vào *những tiêu chuẩn hay những chuẩn thực* có liên quan đến những đánh giá đã được đưa ra, như "giáo dục là tốt vì nó làm tăng hiệu quả kinh tế". Giá trị, với tính cách tiêu chuẩn, thường là cách dùng quan trọng hơn cho những mục đích phân tích khoa học xã hội (Williams, 1951, 1960, tr. 401).

Các sự kiện giá từ vốn tiềm tàng trong các hành động đánh giá; do đó, những định nghĩa rõ ràng về giá trị luôn luôn mở ngõ để trình bày lại trước những hành vi đánh giá mới, cái vốn tiềm ẩn trong hành động đánh giá là một "hệ thống lựa chọn" hay "chuẩn mực tự nhiên".

Các khái niệm liên quan.

Giá trị với tư cách là một khái niệm chính xác lúc đầu được sử dụng trong lĩnh vực kinh tế theo những nghĩa hẹp mang tính kỹ thuật khác nhau. Chỉ vào khoảng cuối ba thập kỷ vừa qua, các khái niệm giá trị mới được sử dụng rộng rãi trong các ngành khoa học xã hội khác, mặc dù Thomas và Znaniecki đã thực hiện một cố gắng mở đường từ trước những năm 1920 trong "The Polish peasant in Europe and America" (1918) [Người nông dân Ba Lan ở châu Âu và châu Mỹ]. Các nhà tâm lý học đã sử dụng một loạt các thuật ngữ liên quan: thái độ, nhu cầu, tình cảm, thiên hướng, mối quan tâm, sở thích, động cơ, cảm hứng, giá trị (Smith, 1963, tr. 326-331). Các nhà nhân chủng học đã nói về trách nhiệm (Brandt, 1961), đạo lý, mô hình văn hóa, chủ đề (themes) và phong cách sống. Các nhà xã hội học và các nhà khoa học chính trị đã quy chiếu vào những mối quan tâm, đạo đức, ý thức hệ, tập tục (mores), chuẩn mực, thái độ, khát vọng, trách nhiệm, quyền và sự thưởng phạt

Rõ ràng là không có sự mở rộng ý nghĩa của thuật ngữ tới mức không thể phân biệt được giữa giá trị và các nhân tố quyết định hành vi khác. Hành vi xã hội của con người là sản phẩm của những trạng thái sinh lý và những năng lực của cơ thể, của Hậu vực kích thích mà nó phản ứng của những lược đồ nhận thức mà trong đó nó lý giải môi trường của nó, và của "những độ cơ" hay "nhu cầu" khô lo trọng nhất với các yếu tố giá trị xâm nhập vào chúng. Các giá trị chỉ cấu thành một trong vài loại nhân tố có thể được xem xét nếu người ta muốn dự báo và hiểu được hành vi con người.

Dù rằng trong những trường hợp riêng biệt người ta khó mà phân biệt giữa giá trị và các khái niệm liên quan như niềm tin, nhu cầu hay động cơ, nhưng từ những thuật ngữ chung có thể rút ra những sự phân biệt rõ ràng hợp lý. Chẳng hạn khi chúng ta nghĩ về các giá trị như là những thành phần của nhân cách, rõ ràng là các giá trị không đồng nhất với nhu cầu hay ước muốn. Các nhu cầu này sinh từ sự thiếu hụt hay sự tan rã. Những ước muốn là sự mong mỏi hay thèm khát nhằm vào một số đối tượng hay trạng thái nhất định. Những ước muốn có thể trở nên rất mạnh mẽ như trở thành nhu cầu, và những nhu cầu được pha trộn một cách đặc trưng với những ước muốn tương ứng. Tuy nhiên, trong bất cứ trường hợp nào, có thể có một nhu cầu hay một ước muốn (chẳng hạn về thức ăn) mà ở đó các giá trị không phải là thành phần duy nhất hay thậm chí là thành phần quan trọng nhất. Mặt khác, bản thân các giá trị có thể là nguồn gốc của những nhu cầu và những ước muốn, như khi người ta muốn xua đi sự day dứt về việc không hoàn thành trách nhiệm của mình, hay mong ước tích cực được sống theo những chuẩn mực nghề nghiệp cao.

Các giá trị không phải là những động cơ. Nhiều động cơ đặc thù thường có thể tăng cường sức mạnh cho một giá trị nhất định: "Một giá trị nào đó có thể có sức mạnh tương đối độc lập so với bất cứ động cơ đặc thù nào, dù rằng theo một nghĩa nào đó nó vẫn còn có chức năng là một hệ thống động cơ toàn diện" (Kluckhohn, 1951, tr. 425).

Các giá trị không đồng nhất với các chuẩn mực ứng xử. Các chuẩn mực là những quy tắc hành vi. Chúng nói về cái nên làm hay không nên làm đối với từng loại nhân vật đặc thù, trong những tình huống nhất định. Các giá trị là những tiêu chuẩn (Standards) của cái đáng mong muốn mang tính độc lập hơn trong những hoàn cảnh riêng biệt. Giá trị có thể là điểm quy chiếu cho rất nhiều các chuẩn mực riêng biệt: một chuẩn mực đặc thù có thể hiện sự ứng dụng cùng một lúc mấy giá trị riêng lẻ. Do đó tiền đề giá trị "bình đẳng" có thể nhập vào trong những chuẩn mực cho các quan hệ giữa vợ và chồng, anh và em, thầy giáo và học sinh... Mặt khác cái chuẩn mực "một giáo viên không được tỏ ra thiên vị trong cho điểm" trong một trường hợp đặc thù có thể bao gồm các giá trị bình đẳng, trung thực, nhân đạo và một số giá trị khác. Các giá trị với tư cách là những tiêu chuẩn để xác định cái nên coi là đáng mong muốn, đã đưa ra cơ sở cho sự chấp nhận hay từ chối những chuẩn mực riêng biệt. Do đó các giá trị thành đạt vốn nhấn mạnh vào sự thực hiện mang tính công cụ tích cực dựa vào tiêu chuẩn xuất

sắc có thể được phản ánh trong những chuẩn mực cho thể thao, các trò chơi, hoạt động nghề nghiệp, dịch vụ cộng đồng, đời sống chính trị, giáo dục, khoa học... Nguyên lý tương tự được đề ra cho các giá trị được xem như những đối tượng hay tình huống đáng mong muốn, ví dụ: sự đề cao "tự do" hay "quyền uy" có thể là một trong những cơ sở cho rất nhiều chuẩn mực riêng biệt trong các lĩnh vực khác nhau của xã hội, văn hóa và nhân cách. Mặt khác, rất nhiều chuẩn mực lại mang nhiều giá trị, cùng một lúc liên hệ với tiêu chuẩn khoái lạc, những xem xét về tính hiệu quả, và các giá trị về sự hòa nhập xã hội chẳng hạn. Một trường hợp nhỏ nhưng rõ ràng có thể là những chuẩn mực về nghi thức đối với sự tiếp đãi xã hội.

Khi người ta đi theo chiều tính khái quát ngày càng tăng, những chuẩn mực ở đó trở nên ngày càng xa rời những hoàn cảnh đặc thù, cuối cùng sẽ đi tới chỗ không thể phân biệt được giữa chuẩn mực và giá trị về mặt thực tiễn. Những trường hợp ngoài lề dĩ nhiên thường phải bàn cãi và khó có thể phân loại, nhưng sự hiểu biết về bối cảnh lại cho phép phân chia một cách thỏa đáng, hợp lý những dạng cụ thể của hành vi thành loại "chuẩn mực" hay những tiêu chuẩn của cái đáng mong muốn thành phạm trù "giá trị". Mệnh lệnh "hãy thành thực" có vẻ bề ngoài của một chuẩn mực, nhưng nếu chúng ta không biết cái mà hành vi thể hiện là sự thành thực trong những hoàn cảnh khác nhau thì chúng ta không thể có cái hướng dẫn thực sự cho từng hành vi riêng biệt: chúng ta chỉ biết rằng cái mà ta gọi là "thành thực" được coi là cái đáng mong muốn. Cần có một nghiên cứu cẩn thận trên mẫu lớn các chuẩn mực liên quan tới sự thành thực để tháo gỡ nguyên lý giá trị đã được phổ quát hóa khỏi sự lẫn lộn của những giá trị và những nhân tố quyết định hành vi khác.

Nghiên cứu thực nghiệm về giá trị.

Mô tả và phân tích giá trị do các nhà khoa học xã hội tiến hành vẫn dựa trên việc sử dụng một số phương pháp tìm bằng chứng. Những manh mối đầu tiên có thể thu được từ sự tìm bằng chứng (testimony): ở một mức độ nào đó, các cá nhân có thể nói về những giá trị của họ.

Mặc dù sự đưa ra bằng chứng này không đủ chính xác và hoàn chỉnh, người ta cũng không nên bỏ qua nó. Bằng chứng tiếp theo có thể dẫn đến việc nghiên cứu hệ thống sự lựa chọn những đối tượng và hành động, cả trong những hành vi "tự nhiên" lẫn trong những loại thử nghiệm khác nhau, các cuộc phỏng vấn và các cuộc thực nghiệm. Nghiên cứu có thể nêu ra những chỉ báo về hướng quan tâm như các sản phẩm văn hóa cũng như hành vi được quan sát trực tiếp đã cho thấy. Do đó, phân tích nội dung những tư liệu thành văn thường là một kỹ thuật thích hợp. Sự tìm ra những nhận định tiềm ẩn trong diễn từ xã hội thường phát hiện ra những giá trị. Một nguồn bằng chứng khác có ý nghĩa liên quan đến các giá trị là những quan sát sự thưởng và phạt. Bằng cách quan sát những hành vi đã được ca ngợi và được khen thưởng cùng những cái bị Phê phán và lên án hay bị trừng phạt, chúng ta lấy được những số liệu quan trọng để nhận ra những chuẩn mực có hiệu quả xã hội đang hoạt động thực sự trong bất cứ nhóm hay xã hội nào.

Hãy bắt đầu với sự định vị giá trị đầu tiên trong quan hệ của một người với một đối tượng quan tâm, những nguồn bằng chứng đã kể trên sẽ chỉ ra ngay rất nhiều "định nghĩa thao tác" về giá trị: giá trị với tư cách *sự lựa chọn* hay *sở thích* công khai, như là sự *chú ý* hay *nhấn mạnh*, như là sự *nhận định* hay *khẳng định*, với tư cách là *tiền đề tiềm ẩn*, như một sự quy chiếu *những thưởng phạt xã hội*. Những bằng chứng khác nhau ấy gợi ý rằng "đây chính là cái có ý nghĩa".

Một nguyên lý chung có cơ sở trong quan sát hành vi xã hội là đi theo tiến trình năng động của sự thưởng phạt, dù điều đó có thể dẫn tới bất cứ đâu đi nữa. Việc phân tích cực kỳ chặt chẽ từng chi tiết của sự thưởng phạt về mặt xã hội đối với một phương pháp hành động đặc thù sẽ cho thấy nổi bật những cứ liệu giá trị quan trọng.

Đối với các giá trị ẩn kín dưới sự tuân thủ những quy ước hay cấm kỵ xã hội, cũng như với các giá trị bị che khuất trong vỏ bảo vệ trước sự trấn áp, phải có những cách tiếp cận gián tiếp thông qua thử nghiệm theo dự định, kỹ thuật thực nghiệm khéo léo, sự phỏng vấn và quan sát tại chỗ thật kỹ. Do đó, nên ghi nhận rằng rất nhiều biện pháp tâm lý bao gồm sự nhận diện và tăng cường một số cam kết giá trị, làm suy yếu hay xác định lại những cam kết giá trị khác. ~ Mặc dù các giá trị không đồng nhất với những hệ tư tưởng, nhưng từ phân tích nội dung các tư liệu tư tưởng có thể rút ra những cứ liệu có ích về các giá trị.

Nghiên cứu thực nghiệm các giá trị bằng những phương pháp khách quan mới đang chập chững bước đầu. Tuy nhiên, các kết quả đã thu được là cơ sở để hy vọng những phát hiện thật sự quan trọng trong tương lai.

Các giá trị trong khoa học xã hội.

Trong các cố gắng để đạt tới những cấp độ khách quan và tính nghiêm túc khoa học cao hơn, một bộ phận đáng kể của xã hội học Tây phương, trong khoảng một thế hệ, sau năm 1900 có khuynh hướng né tránh đề cập công khai tới các giá trị. Các giá trị thường được coi là phần nào "chủ quan" và không được đưa vào trong "những sự kiện đã rõ ràng" vốn được coi là đối tượng nghiên cứu riêng. Có lẽ là bắt đầu với "The Polish peasant in Europe and America" (1918), khái niệm giá trị mới được dùng ngày càng nhiều, mặc dầu đến nhóm, năm 1930 vẫn chưa thấy được toàn bộ ảnh hưởng của nghiên cứu này. Vào năm 1949, đã diễn ra một phong trào "đi tới sự cởi mở bằng việc trình bày công khai các giá trị và phân tích đầy đủ những tiền giả định, những diễn giải, những hệ quả tinh thần của chúng" (Mukerjee, 1949, tr. VII). *Khoa kinh tế*. Về bản chất, tất nhiên, khoa kinh tế luôn hoạt động với biến thể này hoặc biến thể kia của khái niệm giá trị, chẳng hạn, giá trị trao đổi hay trật tự ưu tiên. Trong thời kỳ hiện đại, cuộc đấu tranh lâu dài để phát triển những biện pháp đo lường tính có ích phần lớn đã bị từ chối để thiên về những chỉ số trực tiếp về sự ưa thích, sự lựa chọn và khả năng thay thế, như ở trong các phân tích "đường cong trung tính" (indifference curve). Do đó, đối với một số loại phân tích kinh tế, "giá trị" là "vị trí tương đối của một hàng hóa trong trật tự ưu tiên và vị trí của nó càng cao thì giá trị của nó càng lớn" (Kuhn, 1963, tr. 266).

Tâm lý học. Như M. Berwster Smith (1963) đã chỉ ra, những tiền giả định của tâm lý học hàn lâm thế kỷ XX đã cản trở việc sử dụng có hiệu quả khái niệm giá trị trong thực nghiệm và lý luận. Tâm lý học thực nghiệm mặc dù muốn chấp nhận nhiều biến số can thiệp có tính giả thiết, từ lâu đã chống lại cách sử dụng lý luận - giá trị. Nhưng áp lực của những quan sát thực nghiệm được lặp đi lặp lại không thể phủ nhận quá một điểm xác định (Asch, 1952, tr. 353-384) và các lý luận nhận thức hiện đại ngày càng nhận thấy hiện tượng nhận thức đại chúng về những khái quát hóa là đi theo các điều kiện mang sắc thái tình cảm.

Khoa học chính trị. Khoa học chính trị, dưới hình thức truyền thống của nó, một phần đáng kể là một bộ môn mang tính chuẩn mực, thường cố gắng nêu rõ những khu biệt đáng mong muốn của đời sống chính trị. Các nhân mạnh mới về việc nghiên cứu khoa học đối với hành vi chính trị có khuynh hướng bắt buộc thừa nhận công khai những nhận định giá trị như là những sự kiện thích hợp phải được giải thích, hay đến lượt chúng được sử dụng với tư cách là những nhân tố giải thích trong các phân tích chính trị.

Trong chừng mực khi lịch sử chọn lựa sự nỗ lực hướng tới những khái quát đã được kiểm nghiệm khách quan thay vì chỉ hướng vào những lý giải chật hẹp về văn học hay nhân văn học, nó cũng còn phải đương đầu với những nhu cầu hai mặt nhằm kiểm tra ảnh hưởng của các giá trị đến kết luận của nhà sử học và nhằm phân tích các giá trị như là những biến số trong các sự kiện và quá trình lịch sử. Như vậy, vấn đề giá trị xuất hiện trong mọi lĩnh vực của khoa học xã hội và những yếu tố giá trị về tiềm năng là có tầm quan trọng như là biến số phải được phân tích trong mọi lĩnh vực điều tra chính.

Phân loại giá trị và phân tích giá trị.

Các giá trị có thể được phân loại theo một số cách khác nhau. Mỗi phương thức phân loại đều chỉ ra những thuộc tính, những hình thái hay các chiều có tầm quan trọng tiềm năng. Bất cứ phân tích giá trị nào, ít nhất cũng phải tính đến sự tồn tại của các giá trị nhằm đáp ứng cho những thích thú và những ác cảm bao gồm cả các giá trị tình cảm phải thực hiện với sự thích thú hay sự hài lòng và sự lẩn tránh cái không thích thú, và các giá trị nhận thức thành đạt phải thực hiện với sự đạt tới những trạng thái đáng mong muốn. Hơn nữa, phân tích giá trị như thế phải có ý thức về các giá trị khôn ngoan, các giá trị tính cách (sự thống nhất nhân cách), các giá trị xã hội, các giá trị văn hóa và các giá trị tồn tại sinh học (Pepper, 1958). Tóm lại, các giá trị đi vào trong từng hệ thống hành vi lớn của con người: cơ thể, nhân cách, xã hội và văn hóa. Cả phân tích triết học lẫn khoa học xã hội thường gặp những sai lầm nghiêm trọng khi chỉ chú ý đến một loại giá trị duy nhất trong khi bỏ qua những giá trị khác hay đánh giá sai chúng. Các giá trị như là những yếu tố thực nghiệm trong hành vi con người chắc chắn này sinh từ bên ngoài kinh nghiệm con người và do đó có thể bị tác động bởi bất cứ điều kiện nào, bao gồm những điều kiện xã hội tác động tới kinh nghiệm. Do đó các giá trị có thể được phân tích như là những biến số độc lập dễ bị biến đổi, đó là do những biến đổi trong dân số, công nghệ, sản xuất kinh tế, tổ chức chính trị... Tuy nhiên, một khi đã được xác lập, các giá trị cũng hoạt động như là những biến số độc lập, hướng các phản xạ vào những cách tân ban đầu và góp phần làm cơ sở cho những cách tân mới.

Tư duy xã hội học thường quy tầm quan trọng chiến lược cho các giá trị đạo đức trong các quá trình thiết chế hóa và kiểm soát xã hội. Thật vậy, một học thuyết xã hội hiện đại quan trọng cho rằng "Những tiêu chuẩn đạo đức tạo thành tiêu điểm của khía cạnh đánh giá của văn hóa chung là cốt lõi cho sự ổn định những cơ chế của hệ thống tương tác xã hội" (Parson, 1964, tr. 22). Một vấn đề then chốt đối với sự nghiên cứu sâu hơn nằm ngay trong mối quan hệ này. Mọi xung đột giá trị xảy ra trong một cơ thể - nhân cách duy nhất đều có thể giải quyết được về nguyên tắc trong một điểm thích hợp duy nhất. Nhưng lại có một lỗ hổng cực kỳ to lớn (và có lẽ không thể nào vượt qua) giữa các cấp độ cá nhân và xã hội (Arrow, 1951). Theo cách thật đơn giản, chúng ta biết rằng khi các hệ thống xã hội-văn hóa chịu sức ép nghiêm khắc hơn đối với sự tồn tại của nó, chúng sẽ áp đặt ngày càng nghiêm khắc những hạn chế đối với các giá trị "cá nhân". Phạm vi mà ở đó sự thực hiện giá trị cá nhân phù hợp với các giá trị tồn tại về mặt xã hội, văn hóa và sinh học đòi hỏi rất nhiều những phân tích bổ sung.

Các giá trị không xuất hiện trong kinh nghiệm như là những tiêu chuẩn thống nhất bị tách rời, mỗi tiêu chuẩn đều mang trong mình sự độc lập tương đối với các giá trị cộng sinh khác. Thực vậy, nội dung hiện thực và những giới hạn của bất cứ giá trị đặc thù nào sẽ đều bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi quan hệ của nó đối với các giá trị khác. Trong một nhóm hay một xã hội, con người có thể tiếp nhận "tự do" chỉ trong những giới hạn được sắp xếp bởi sự cam kết với nguyên tắc phục tùng một trật tự quyền uy theo thứ bậc. ở một xã hội khác, tự do có quan hệ chặt chẽ với các giá trị bình đẳng. Hai xã hội sẽ không cùng chấp nhận một thứ "tự do". Những đối lập và xung đột giá trị đều có mặt trong mọi xã hội. Trong những điều kiện biến động xã hội nhanh chóng, những nét đặc thù đã được vạch ra trên sự thống nhất giá trị. Khi các xung đột nghiêm trọng nảy sinh trên những giá trị cơ bản, hiển nhiên là sự áp chế hay hứa hẹn đều có hiệu quả trong việc tạo ra sự tích hợp mới như là sự mở rộng những mối quan tâm nhằm sắp xếp và xác định lại trung tâm của những ưu tiên giá trị (Allport, 1959, tr. 146). Sẽ là trường hợp hiếm có khi hành vi của một cá nhân được hướng dẫn trong một giai đoạn bởi một và chỉ một giá trị. Một giá trị như vậy sẽ là tái hiện một "ưu thích tuyệt đối" (Wriglit 1963a). Phổ biến hơn là những hành vi đặc thù hay hậu quả của các hành vi bị hướng dẫn bởi rất nhiều giá trị, và những nhóm giá trị này luôn thay đổi. Hơn nữa, những đối lập và mâu thuẫn trong các giá trị đều không phải là bất thường, và cả các cá nhân lẫn tập thể đều phải luôn luôn đối chọi, mà không thể tránh được, với sự lựa chọn giá trị. Ngay cả những hệ thống giá trị hài hòa nhất cũng đòi hỏi sự lựa chọn trong việc làm cân bằng những đòi hỏi khác nhau đối với thời gian, năng lượng và những nguồn tài nguyên khác. Không phải mọi khát khao đều có thể được đặt ngang hàng với nhau trong bất cứ thời điểm nào.

Người dịch: NGUYỄN ĐỨC TRUYỀN

Nguồn: International EDCyclopedia

of the Social Sciences, V, 15, 16, 17. Năm 1980